

**DANH SÁCH HỌC SINH CHƯA HOÀN TẤT HỌC PHÍ  
HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2019-2020 ĐẾN NGÀY 10/06/2020**

|    | Mã SV    | Họ đệm            | Tên       | Lớp       | Công nợ học phí | Công nợ thu khác | Tổng công nợ | GHI CHÚ |
|----|----------|-------------------|-----------|-----------|-----------------|------------------|--------------|---------|
| 1  | 19001155 | Nguyễn Tiến       | Trung Anh | 19T4-LGT1 | 4,532,000       | 140,000          | 4,672,000    |         |
| 2  | 19000758 | Nguyễn Vũ         | Giang Hậu | 19T4-LGT1 | 4,532,000       | 140,000          | 4,672,000    |         |
| 3  | 19001269 | Nguyễn Việt       | Hùng      | 19T4-LGT1 | 4,532,000       | 140,000          | 4,672,000    |         |
| 4  | 19000730 | Phạm Tuấn         | Khanh     | 19T4-LGT1 | 4,532,000       | 140,000          | 4,672,000    |         |
| 5  | 19000523 | Nguyễn Quốc       | Khánh     | 19T4-LGT1 | 4,532,000       | 140,000          | 4,672,000    |         |
| 6  | 19000667 | Nguyễn Công       | Khoa      | 19T4-LGT1 | 4,532,000       | 140,000          | 4,672,000    |         |
| 7  | 19003073 | Trần Anh          | Khoa      | 19T4-LGT1 | 4,532,000       | 140,000          | 4,672,000    |         |
| 8  | 19000903 | Bạch Ngọc Bảo     | Loan      | 19T4-LGT1 | 4,532,000       | 140,000          | 4,672,000    |         |
| 9  | 19001334 | Hoàng Hữu         | Minh      | 19T4-LGT1 | 4,532,000       | 140,000          | 4,672,000    |         |
| 10 | 19000853 | Lưu Bửu           | Nghi      | 19T4-LGT1 | 4,532,000       | 140,000          | 4,672,000    |         |
| 11 | 19004578 | Nguyễn Quốc       | Nghĩa     | 19T4-LGT1 | 4,532,000       | 140,000          | 4,672,000    |         |
| 12 | 19001678 | Dương Trí         | Nhân      | 19T4-LGT1 | 4,532,000       | 140,000          | 4,672,000    |         |
| 13 | 19001906 | Trần Tú           | Nhi       | 19T4-LGT1 | 4,532,000       | 140,000          | 4,672,000    |         |
| 14 | 19000547 | Trương Lương      | Thúy Nhi  | 19T4-LGT1 | 4,532,000       | 140,000          | 4,672,000    |         |
| 15 | 19000790 | Phạm Nguyễn Cảnh  | Phú       | 19T4-LGT1 | 4,532,000       | 140,000          | 4,672,000    |         |
| 16 | 19000140 | Nguyễn Trọng      | Phúc      | 19T4-LGT1 | 4,532,000       | 140,000          | 4,672,000    |         |
| 17 | 19001220 | Phạm Hữu          | Phúc      | 19T4-LGT1 | 4,532,000       | 140,000          | 4,672,000    |         |
| 18 | 19001471 | Trần Bình         | Phương    | 19T4-LGT1 | 4,532,000       | 140,000          | 4,672,000    |         |
| 19 | 19001043 | Phan Ngọc         | Son       | 19T4-LGT1 | 4,532,000       | 140,000          | 4,672,000    |         |
| 20 | 19001134 | Phạm Hoàng        | Tân       | 19T4-LGT1 | 4,532,000       | 140,000          | 4,672,000    |         |
| 21 | 19002257 | Nguyễn Mai        | Trình     | 19T4-LGT1 | 4,532,000       | 140,000          | 4,672,000    |         |
| 22 | 19001531 | Phạm Nguyễn Thanh | Trúc      | 19T4-LGT1 | 4,532,000       | 140,000          | 4,672,000    |         |
| 23 | 19000489 | Đoàn Chí          | Trung     | 19T4-LGT1 | 4,532,000       | 140,000          | 4,672,000    |         |
| 24 | 19001496 | Mai Danh          | Vũ        | 19T4-LGT1 | 4,532,000       | 140,000          | 4,672,000    |         |
| 25 | 19004339 | Hà Ngọc           | Vượng     | 19T4-LGT1 | 4,532,000       | 140,000          | 4,672,000    |         |